

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2022/KDTM-PT
Ngày: 09-6-2022
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh,
Hợp đồng thế chấp”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ND

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ND.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ND xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng thế chấp”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố ND bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2022/QĐXX-PT ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN
Địa chỉ: Số 22 Ngô Q, phường Tràng T, quận Hoàn K, thành phố HN; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, chức vụ: Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản. (Theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ - PVB ngày 10-06-2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1988, chức vụ: Chuyên viên Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN (Theo Giấy ủy quyền số 21742/UQ-PVB ngày 03-11-2020 của Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T; Địa chỉ: Tổ dân phố Lâm T, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Quang T:* Ông Đặng Văn S; Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đặng S và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố HN.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa kỹ sinh vật Thăng L; Địa chỉ: Lô A5, Khu công nghiệp Đức H 1, Ấp 5, xã Đức H Đ, huyện Đức H, tỉnh Long A; Người đại diện theo pháp luật: ông CHUANG JIE C; Chức vụ: Tổng Giám đốc theo đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 12 năm 2020. Người đại diện theo ủy quyền: Ông HOU HSU K; chức vụ: Tổng giám đốc. Theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/TL-2021 ngày 31-12-2020 của Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa kỹ sinh vật Thăng L.

2. Ông Trần Quang T, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm T, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm T, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND.

4. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND.

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND.

6. Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND.

7. Chị Phạm Quỳnh A, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND.

8. Bà Lưu Thị T, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND.

9. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND;

10. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Hữu H: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND. (theo Giấy ủy quyền ngày 09-3-2021).

11. Phòng Công chứng số 1, Sở tư pháp tỉnh ND; Địa chỉ: 325 Trường C, phường Vị H, thành phố ND, tỉnh ND. Người đại diện theo pháp luật; , chức vụ: Trưởng phòng Công chứng số 1, Sở tư pháp tỉnh ND.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt Ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hoàng A, Bà Nguyễn Thị L, ông Trần Quang T, Ông Đặng Văn S, ông Phạm Văn L. Vắng mặt Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa kỹ sinh vật Thăng L, bà Lưu Thị T, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Hữu H, người đại diện theo pháp luật của Phòng công chứng số 1 Sở tư pháp tỉnh ND do có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vắng mặt bà Trần Thị H, chị Phạm Thị Quỳnh A, chị Phạm Thị Thu T lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện nộp ngày 08-12-2020, bản tự khai ngày 06-01-2021, Bản tự khai bổ sung ngày 27-8-2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Ngày 02-01-2014 Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa kỹ sinh vật Thăng L (sau đây gọi là Công ty Thăng L) và Cơ sở Trần Quang T do ông Trần Quang T là chủ hộ kinh doanh ký Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số HĐPP/MBC/NĐI-01 ngày 02-01-2014 (sau đây gọi là Hợp đồng phân phối số 01). Đến ngày 10-4-2014 Cơ sở Trần Quang T chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T (sau đây gọi là Công ty Lan T) do chính ông Trần Quang T và vợ là Bà Nguyễn Thị L góp vốn thành lập. Để nối tiếp Hợp đồng phân phối số 01 Công ty Thăng L và Công ty Lan T đã ký Phụ lục III Hợp đồng thức ăn thủy sản ngày 02-5-2014 về việc đồng ý thỏa thuận và thay đổi thông tin khách hàng từ Cơ sở Trần Quang T thành Công ty Lan T.

Theo nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 29-4-2014 của Công ty Lan T gồm Bà Nguyễn Thị L, ông Trần Quang T đã thống nhất về việc Công ty Lan T phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng ĐC và ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị L đại diện Công ty Lan T ký kết các văn bản, hợp đồng liên quan đến việc phát hành bảo lãnh và thực hiện giao dịch tài khoản tại Ngân hàng ĐC. Do đó vào ngày 22-5-2014 Ngân hàng ĐC và Công ty Công ty Lan T ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 055/2014/HĐBL/PVB-CNNĐ (sau đây được viết tắt là “Hợp đồng bảo lãnh 055”) với nội dung như sau:

- Số tiền bảo lãnh tối đa là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).
- Mục đích: Ngân hàng ĐC đồng ý phát hành cam kết bảo lãnh cho Công ty Lan T để mua hàng theo Hợp đồng phân phối số 01 với Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoa kỹ sinh vật Thăng L và các phụ lục kèm theo.
- Thời hạn cấp bảo lãnh: là thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Trong thời hạn này bên được bảo lãnh được quyền đề nghị bên bảo lãnh phát hành cam kết bảo lãnh phù hợp với các quy định.
- Tiền phạt: Áp dụng trong trường hợp Bên được bảo lãnh có bất kỳ vi phạm nghĩa vụ, cam kết, cam đoan hoặc bảo đảm nào đã được qui định tại Hợp đồng và mức phạt được bên Bảo lãnh áp dụng tại thời điểm phát sinh.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, Công ty Lan T đã dùng tài sản của bên thứ ba theo các Hợp đồng và tài sản thế chấp như sau:

Một là: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 047/2014/10801849/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 giữa bà Lưu Thị T, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Hữu H với Ngân hàng ĐC các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 147 tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh ND và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AA 406587 do Ủy ban nhân dân huyện Giao T, tỉnh ND cấp cho hộ gia đình bà Lưu Thị T ngày 17-06-2003. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 181 tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh ND và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X 611679 do Ủy ban nhân dân huyện Giao T, tỉnh ND cấp cho hộ gia đình bà Lưu Thị T ngày 20-05-2003.

Hai là: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 048/2014/10801849/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 ký kết giữa ông Phạm Văn L, bà Trần Thị H và chị Phạm Thị Thu T với Ngân hàng ĐC các tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 129 tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ: tổ dân phố Cồn Tàu N, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 602313 do Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp cho hộ ông Phạm Văn L ngày 16-12-2010.

Căn cứ nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cấp bảo lãnh, Ngân hàng ĐC đã phát hành Bảo lãnh thanh toán số 283/CKBL/PVB-CNNĐ ngày 23-5-2014 (sau đây gọi là Bảo lãnh thanh toán 283) theo đề nghị của Bên được bảo lãnh là Công ty Lan T cho bên nhận bảo lãnh là Công ty Thăng L với các nội dung như sau:

- Mục đích: Bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của Bên được bảo lãnh (Công ty Lan T) đối với bên nhận bảo lãnh (Công ty Thăng L) theo Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số 01.

- Thời hạn bảo lãnh: Từ ngày 23-5-2014 đến hết ngày 28-02-2015.

- Số tiền bảo lãnh: Bảo lãnh cam kết không hủy ngang và khẳng định Bên bảo lãnh thay mặt bên được bảo lãnh chịu trách nhiệm thanh toán cho bên nhận bảo lãnh trong giới hạn không vượt quá 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*).

- Điều kiện để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Khi bên nhận bảo lãnh có văn bản đề nghị Bên bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong đó ghi rõ về vi phạm của bên được bảo lãnh, số tiền đề nghị thanh toán và thời hạn, phương thức thanh toán. Các hóa đơn, chứng từ tài liệu chứng minh về việc vi phạm của Bên được bảo lãnh. Bất kỳ văn bản nào của Bên nhận bảo lãnh phải được gửi đến bên Bảo lãnh trong thời hạn bảo lãnh.

Ngày 27-02-2015, Công ty Thăng L có thư đề nghị gửi Ngân hàng ĐC về việc Công ty Lan T vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng phân phối số 01 đồng thời đề nghị Ngân hàng ĐC thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán số tiền 1.862.530.683 đồng (*một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám ba đồng*) theo Bảo lãnh thanh toán số 283. Ngân hàng ĐC đã nhiều lần gửi công văn đến Công ty Lan T vào các ngày 02-3-2015; 13-3-2015; 07-4-2015 yêu cầu Công ty Lan T thu xếp nguồn vốn trả nợ cho Công ty Thăng L nhưng Công ty Lan T không xác nhận số liệu công nợ này.

Ngày 10-11-2015, Công ty Thăng L tiếp tục có Thư đề nghị thanh toán số 04/TL-CVCNO đề nghị Ngân hàng ĐC thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và đến ngày 25-11-2015 có công văn gửi Ngân hàng ĐC cung cấp bổ sung toàn bộ bản sao chứng thực các hóa đơn Giá trị gia tăng đã viết cho Công ty Lan T. Trước các hồ sơ chứng minh nghĩa vụ thanh toán của Công ty Lan T với Công ty Thăng L do Công ty Thăng L cung cấp nên ngày 21-12-2015 Ngân hàng ĐC đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty Thăng L. Đồng thời Ngân hàng ĐC cũng có Công văn số 954/PVB-CNNĐ ngày 21-12-2015 thông báo với Công ty Lan T về việc Ngân hàng ĐC đã hoàn tất nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền 1.862.530.683 đồng (*Một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám ba đồng*) với Công ty Thăng L và Công ty Lan T phải nhận khoản nợ bắt buộc với Ngân hàng ĐC, lãi

suất theo qui định của Ngân hàng ĐC là 14,55%/năm kể từ ngày nhận nợ bắt buộc 23-12-2015.

Quan điểm của Ngân hàng ĐC đề nghị Tòa án nhân dân thành phố NĐbuộc Công ty Lan T phải trả toàn bộ số tiền nợ (gốc, lãi, lãi phạt) tính đến ngày 27-9-2021 cho Ngân hàng là 3.447.117.462 đồng trong đó dư nợ gốc là 1.862.530.683 đồng, lãi trong hạn 752.773 đồng, lãi phạt trên nợ gốc quá hạn là 1.583.834.006 đồng và tiền lãi phát sinh theo số tiền đã được bảo lãnh kể từ ngày 28-9-2021 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp Công ty Lan T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết của Tòa án, Ngân hàng ĐC đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì yêu cầu Công ty Lan T phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

Đối với Yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị T quan điểm của Ngân hàng ĐC như sau: Quá trình ký kết các hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm Ngân hàng ĐC đã thực hiện đúng qui định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố NĐ bổ sung thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số 1 tỉnh NĐ để làm rõ yêu cầu của bà Lưu Thị T.

* Tại bản tự khai ngày 19-01-2021, bản tự khai bổ sung ngày 16-7-2021, Biên bản lấy lời khai các ngày 28-6-2021, ngày 25-8-2021; Đơn đề nghị ngày 14-9-2021; ngày 28-9-2021 quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Lan T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 02-01-2014 Cơ sở Trần Quang T và Công ty Thăng L có ký Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số 01 phần ký hợp đồng phía bên Công ty Thăng L là ông HOU HSU K Tổng giám đốc làm đại diện còn phía bên Cơ sở Trần Quang T là ông Trần Quang T. Theo nội dung của Hợp đồng thì Cơ sở Trần Quang T làm đại lý Phân phối thức ăn thủy sản cấp 1 của Công ty Thăng L khu vực huyện Giao T và các vùng lân cận.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng phân phối trên vào ngày 10-4-2014 Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Quang T đã thành lập Công ty Lan T (là Công ty TNHH hai thành viên do Bà Nguyễn Thị L là Giám đốc kiêm chủ tịch Hội đồng thành viên công ty). Công ty Lan T đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng Bà Nguyễn Thị L khẳng định bà và ông Trần Quang T không tiến hành góp vốn như cam kết tại điều lệ. Đối với Cơ sở Trần Quang T vẫn tiếp tục hoạt động cho đến nay mà không có việc chuyển đổi từ Cơ sở Trần Quang T thành Công ty Lan T. Việc Công ty Thăng L cung cấp Phụ lục III ngày 02-5-2014 về việc thay đổi bổ sung Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số 01 ngày 02-01-2014 với nội dung thay đổi thông tin khách hàng từ Cơ sở Trần Quang T thành Công ty Lan T được ký giữa Công ty Thăng L và Công ty Lan T thì Công ty Lan T không thừa nhận. Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Lan T ngày 29-4-2014 với nội dung ông Trần Quang T ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị L đại diện Công ty Lan T ký kết các văn bản, hợp đồng liên quan đến việc phát hành bảo lãnh và thực hiện các giao dịch tài khoản tại Ngân hàng ĐC cũng là do Công ty Thăng L chuẩn

bị và soạn thảo còn thực tế không có buổi họp Hội đồng thành viên nào giữa bà và ông Trần Quang T.

Sau khi thành lập Công ty Lan T vào ngày 02-5-2014 Công ty Lan T đã trực tiếp ký Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số HĐPP/MBC/NĐI-08 với Công ty Thăng L (sau đây gọi là Hợp đồng phân phối số 08). Đồng thời, mọi giao dịch đặt hàng, mua hàng, thanh toán tiền hàng đều do Công ty Lan T thực hiện với Công ty Thăng L và theo Hợp đồng phân phối số 08. Công ty Thăng L giao hàng cho Công ty Lan T cũng theo Hợp đồng phân phối số 08. Trước khi ký Hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng Công ty Lan T cũng có ký Hợp đồng phân phối số 08 nhưng tại Nội dung bảo lãnh vẫn là bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán của Công ty Lan T theo Hợp đồng phân phối số 01 ký ngày 02-01-2014 được ký giữa Công ty Thăng L và Cơ sở Trần Quang T. Mọi thủ tục thành lập Công ty Lan T và ký kết hợp đồng bảo lãnh là do Công ty Thăng L và Ngân hàng ĐC hướng dẫn bà và ông T thực hiện. Thực tế bà và ông Trần Quang T cũng không đọc nội dung các Hợp đồng là gì. Do nhận thấy việc thành lập công ty không cần thiết nên vào ngày 20-5-2014 bà và ông Trần Quang T đã tiến hành thủ tục tuyên bố giải thể Công ty Lan T nhưng hiện tại Công ty Lan T đã được giải thể hay chưa thì Bà Nguyễn Thị L không biết.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của bên được bảo lãnh cho bên bảo lãnh, Công ty Lan T đã thế chấp Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại xã Giao L (nay là thị trấn Quất L), huyện Giao T, tỉnh ND của bên thứ 3 là hộ gia đình bà Lưu Thị T và Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại tổ dân phố Cồn Tàu N, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND của hộ gia đình ông Phạm Văn L cho Ngân hàng ĐC như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng.

Về quá trình thực hiện hợp đồng phân phối với Công ty Thăng L, Bà Nguyễn Thị L trình bày: Sau khi Cơ sở Trần Quang T và Công ty Thăng L ký hợp đồng phân phối thì mọi giao dịch đều do Cơ sở Trần Quang T thực hiện và đều thanh toán tiền hàng đầy đủ với Công ty Thăng L. Bắt đầu từ tháng 5 năm 2014 Công ty Lan T được thành lập thì mọi giao dịch đều do Công ty Lan T thực hiện. Theo nội dung của Hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng ĐC thì Công ty Lan T được phép trả chậm Công ty Thăng L trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng cho từng lô hàng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng phân phối từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 11 năm 2014 Công ty Lan T đều thanh toán bằng hình thức chuyển khoản sau mỗi lần khi nhận hàng từ Công ty Thăng L và đều đối chiếu công nợ đầy đủ. Đến tháng 12 năm 2014 Công ty Thăng L vẫn xuất hàng cho Công ty Lan T. Nhưng từ tháng 1 năm 2015 và tháng 2 năm 2015 Công ty Thăng L đã tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng (không bán cám cho Công ty Lan T) mà không đưa ra bất cứ lý do gì mặc dù Hợp đồng phân phối thực hiện đến hết ngày 28-02-2015. Đồng thời Công ty Thăng L tự ý cung cấp cám cho khách hàng của Công ty Lan T bằng giá của đại lý cấp I gây thiệt hại cho Công ty Lan T khoảng 10.000.000.000 đồng. Bảng đối chiếu xác nhận công nợ đến ngày 31-12-2014 do Công ty Thăng L giao nộp tại Tòa án nhân dân thành phố ND thì Công ty Lan T không thừa nhận vì đây không phải là chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Lan T và con dấu cũng không phải là dấu của Công ty Lan T, giữa Công ty Lan T và Công ty Thăng L chưa chốt công nợ cụ thể trong tháng 12 năm 2014 cũng chưa tiến hành thanh lý hợp đồng nhưng Công ty Thăng L đã yêu cầu

Ngân hàng ĐC thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền hàng cho Công ty Thăng L. Ngân hàng ĐC thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Thăng L khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Lan T. Nay Ngân hàng ĐC yêu cầu Công ty Lan T phải thanh toán cho Ngân hàng ĐC số tiền mà Ngân hàng ĐC đã thanh toán cho Công ty Thăng L gồm số tiền gốc là 1.862.530.683 đồng, lãi trong hạn 752.773 đồng, lãi phạt trên nợ gốc quá hạn là 1.583.834.006 đồng và tiền lãi phát sinh theo số tiền đã được bảo lãnh, quan điểm của Công ty Lan T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐC. Do hiệu lực của Hợp đồng bảo lãnh đã hết nên yêu cầu Ngân hàng ĐC trả lại cho hộ gia đình bà Lưu Thị T, hộ gia đình ông Phạm Văn L các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Về chi phí cho việc giám định chữ ký của Bà Nguyễn Thị L và con dấu của Công ty Lan T là 4.080.000 đồng (*bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*) Bà Nguyễn Thị L tự nguyện nộp toàn bộ không và yêu cầu Ngân hàng ĐC phải chịu chi phí giám định.

* Tại bản tự khai ngày 15-01-2021, bản tự khai bổ sung ngày 16-7-2021; Biên bản lấy lời khai ngày 01-4-2021; ngày 28-6-2021 và ngày 25-8-2021, đơn đề nghị ngày 21-7-2021 và ngày 14-9-2021 quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang T trình bày:

Cơ sở Trần Quang T được thành lập vào năm 2012, chủ cơ sở là ông Trần Quang T. Cơ sở Trần Quang T là đại lý bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Thăng L sản xuất. Hoạt động chính của Cơ sở Trần Quang T là làm đại lý bán thức ăn chăn nuôi tôm và thu mua kinh doanh hải sản. Đến năm 2020 thì chỉ còn thu mua kinh doanh hải sản. Trong các năm 2012, 2013 đều ký hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản với Công ty Thăng L, các bên đều tiến hành thanh toán đối chiếu công nợ cụ thể của từng năm.

Vào ngày 02-01-2014 Cơ sở Trần Quang T và Công ty Thăng L có ký Hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số 01. Theo nội dung của Hợp đồng thì Cơ sở Trần Quang T là đại lý Phân phối thức ăn thủy sản cấp 1 của Công ty Thăng L khu vực huyện Giao T và các vùng lân cận. Ông Trần Quang T cũng xác nhận trong quá trình thực hiện Hợp đồng phân phối số 01 thì ông Trần Quang T và Bà Nguyễn Thị L đã thành lập Công ty Lan T. Việc thành lập Công ty Lan T là do Công ty Thăng L và Ngân hàng ĐC hướng dẫn cho vợ chồng ông. Tuy Công ty Lan T được thành lập nhưng ông Trần Quang T và Bà Nguyễn Thị L không tiến hành góp vốn theo cam kết tại điều lệ công ty cũng chưa sử dụng hóa đơn, không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế. Khi thành lập Công ty Lan T thì ông Trần Quang T vẫn là chủ cơ sở doanh nghiệp tư nhân Trần Quang T. Cơ sở Trần Quang T không chuyển đổi thành Công ty Lan T như nội dung tại Phụ lục III ngày 02-5-2014 mà Công ty Thăng L cung cấp vì đến nay cơ sở Trần Quang T còn đang hoạt động. Công ty Lan T cũng không được kế thừa quyền và nghĩa vụ của Cơ sở Trần Quang T. Phụ lục III của Hợp đồng phân phối số 01 cũng không có chữ ký của ông Trần Quang T. Đồng thời, ông Trần Quang T khẳng định giữa ông và Bà Nguyễn Thị L cũng không tiến hành họp Hội đồng thành viên, ông T cũng không ủy quyền cho bà L ký hợp đồng Bảo lãnh như nội dung tại Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty Lan T ngày 29-4-2014 mà Công ty Thăng L cung cấp cho Ngân hàng ĐC.

Nhận thấy việc thành lập Công ty không cần thiết nên ngày 20-5-2014 Công ty Lan T đã có văn bản gửi Chi cục Thuế huyện Giao T để xác nhận việc Công ty Lan T không nợ đọng thuế và xin giải thể doanh nghiệp. Hiện tại Công ty Lan T đã được giải thể hay chưa thì ông Trần Quang T không biết.

Về quá trình thực hiện hợp đồng phân phối giữa Công ty Lan T và Công ty Thăng L thì ông Trần Quang T hoàn toàn nhất trí với ý kiến của Bà Nguyễn Thị L trình bày. Hiện tại Hợp đồng phân phối số 01 giữa Cơ sở Trần Quang T và Công ty Thăng L chưa được thanh lý. Nay ngân hàng khởi kiện Công ty Lan T về tranh chấp hợp đồng cấp bảo lãnh, quan điểm của ông Trần Quang T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố ND không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐC. Do hiệu lực của Hợp đồng bảo lãnh đã hết nên yêu cầu Ngân hàng ĐC trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn L và hộ bà Lưu Thị T.

* Tại văn bản ý kiến ngày 24-01-2021 người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty khoa kỹ sinh vật Thăng Long do ông CHUANG JIE C, chức vụ Tổng giám đốc trình bày:

Trong năm 2014, Công ty Thăng L có ký kết hợp đồng phân phối thức ăn thủy sản số 01 ký ngày 02-01-2014 với Công ty Lan T, địa chỉ Tổ dân phố Lâm T, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND do Bà Nguyễn Thị L, chức vụ: Giám đốc làm đại diện. Trong quá trình mua bán, Lan T đã đặt hàng và Thăng Long đã giao hàng đạt chất lượng đúng chủng loại, đúng tiến độ. Việc giao dịch mua bán được chứng minh rất rõ dựa trên: “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ khách hàng hàng tháng” đã được Công ty Lan T đối chiếu, kiểm tra ký xác nhận. Trong suốt thời gian nhận hàng, Công ty Lan T không có đổi trả chứng tỏ tình trạng hàng hóa của Công ty Thăng L hoàn toàn đạt chất lượng và không có vấn đề. Công ty Thăng L và Công ty Lan T đã thực hiện đối chiếu công nợ và xác nhận các khoản công nợ sau cùng vào tháng 12 năm 2014 được thể hiện tại Bảng đối chiếu xác nhận công nợ khách hàng tháng 12 năm 2014 đã được Công ty Lan T đối chiếu, kiểm tra và ký xác nhận ngày 31-12-2014.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty Lan T nhận tiêu thụ hàng vào những tháng cao điểm, Công ty Thăng L đồng ý cho Công ty Lan T thanh toán trả chậm trong hạn mức với số tiền là 2.000.000.000 đồng (*hai tỷ đồng*) và nghĩa vụ thanh toán được bảo lãnh thông qua thư bảo lãnh số 283 của Ngân hàng ĐC.

Trong thời gian nhận hàng, Công ty Lan T gặp khó khăn về mặt tài chính nên khi đến hạn thanh toán, Công ty Lan T chỉ thanh toán được một phần nhỏ số tiền cho từng lô hàng. Vì thế, để giúp Công ty Lan T vượt qua tình hình khó khăn này, Công ty Thăng L vẫn duy trì xuất hàng cho Công ty Lan T, nhưng hạn chế trong phạm vi hạn mức 2.000.000.000 đồng (*hai tỷ đồng*) thanh toán trả chậm đã được Ngân hàng ĐC bảo lãnh.

Đến cuối năm 2014, Công ty Lan T không thanh toán được dứt điểm công nợ trong năm 2014 như đã cam kết. Công ty Thăng L nhiều lần yêu cầu Công ty Lan T thanh toán, nhưng đến ngày 27-02-2015, số công nợ 2.001.030.683 đồng mà Công ty Lan T đã nhận hàng từ 31-7-2014 đến ngày 11-12-2014 vẫn không thanh toán được và vượt rất nhiều ngày so với chu kỳ thanh toán theo quy định của hợp đồng. Trong khi thư bảo lãnh thanh toán số 283 của Ngân hàng ĐC sẽ hết hạn vào

ngày 28-02-2015 nên ngày 27-02-2015 Công ty Thăng L đã gửi thư đề nghị thanh toán đến Ngân hàng ĐC yêu cầu thực hiện bảo lãnh.

Ngày 25-11-2015 Công ty Thăng L nhận được Công văn số 888/PVB-CNNĐ của Ngân hàng ĐC đồng ý thanh toán cho Công ty Thăng L số tiền 1.862.530.683 đồng (*một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng sáu trăm tám mươi ba đồng*). Số tiền này đã được trừ đi 138.500.000 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền chiết khấu cho Công ty Lan T được tính đến hết ngày 31-12-2014. Ngày 23-12-2015, Ngân hàng ĐC đã thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thư bảo lãnh là thanh toán số tiền 1.862.530.683 đồng (*một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng sáu trăm tám mươi ba đồng*). Như vậy, Ngân hàng ĐC đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư bảo lãnh thanh toán số 283 cho Công ty Thăng L nên Công ty Lan T phải có nghĩa vụ trả nợ cho nghĩa vụ thanh toán đã được Ngân hàng bảo lãnh.

Đồng thời, Công ty Thăng L đề nghị không tham gia các phiên đối chất, hòa giải và tố tụng tại Tòa án các cấp có thẩm quyền, xin vắng mặt và không tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố ND.

* Tại bản tự khai ngày 20-01-2021 và bản tự khai ngày 21-6-2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Lưu Thị T) đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Văn N trình bày:

Vào năm 2014 để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ Hợp đồng phân phối của Công ty Lan T với Công ty Thăng L, bà Lưu Thị T đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với hai thửa đất số 147 và thửa đất số 181 tờ bản đồ số 13 tại địa chỉ xã Giao L, huyện Giao T, tỉnh ND (nay là tổ dân phố Lâm K, thị trấn Quất L) để thế chấp cho Ngân hàng ĐC. Nguồn gốc của hai thửa đất số 147 và 181 mà gia đình bà T dùng để thế chấp là do bà T nhận chuyển nhượng vào năm 1997. Đến ngày 17-6-2003 hộ gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 406587 đối với thửa đất số 147 khi cấp diện tích đất là 40m² trong đó diện tích đất ở là 30m² còn diện tích đất giao thông là 10m² và ngày 20-5-2003 hộ gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 611679 với diện tích 102m². Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình bà Lưu Thị T gồm có bà (Lưu Thị T) và hai con là anh Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Văn N có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình. Khi chuyển nhượng và khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà và ông Nguyễn Nhật Tiên (chồng bà T đã ly hôn).

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đơn yêu cầu Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại phần thế chấp có chữ ký của bà T còn hai chữ ký và viết của hai con bà T là “anh Nguyễn Hữu H” và “anh Nguyễn Văn N” trong Hợp đồng thế chấp không phải là chữ ký và chữ viết của anh Hồng và anh Nam. Do vậy bà T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố ND tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bên thứ ba số 047/2014/HĐBĐ-TC-BĐS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 của Ngân hàng ĐC với hộ gia đình bà T vô hiệu và tuyên trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà T vì khi ký kết hợp đồng thế chấp thì hai con bà T không được biết, không được tham gia và cũng không có văn bản ủy quyền nào

cho bà để ký hợp đồng thế chấp, đồng thời bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu. Ngoài ra, vào ngày 20 tháng 7 năm 2021 vì lý do sức khỏe và công việc bà T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về chi phí cho việc giám định chữ ký là 2.550.000 đồng (*hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) bà T tự nguyện nộp toàn bộ và không yêu cầu Ngân hàng ĐC phải chịu chi phí giám định.

* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố ND đã triệu tập họp lệ nhiều lần đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các thành viên của hộ gia đình ông Phạm Văn L gồm ông Phạm Văn L, bà Trần Thị H, chị Phạm Thị Thu T và chị Phạm Quỳnh A nhưng hiện tại chỉ có ông L và bà H đều vắng mặt và không có quan điểm giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng công chứng số 1 Sở tư pháp tỉnh ND do Bà Phan Thanh H, chức vụ: Trưởng phòng Công chứng số 1 Sở tư pháp tỉnh ND trình bày như sau: Theo tài liệu lưu trữ tại Phòng Công chứng số 1 thể hiện: Vào ngày 22-5-2014 Tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh ND, Công chứng viên phòng Công chứng số 1 là ông Bùi Văn Đ có tiến hành công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 047/2014/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNND được giao kết giữa: bên thế chấp là bà Lưu Thị T cùng hai con anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Hữu H còn bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN – Chi nhánh ND do bà Nguyễn Thị Ánh T, chức vụ: Phó Giám đốc. Việc tiến hành công chứng Hợp đồng thế chấp trên thì Công chứng viên đã tiến hành theo đúng qui định. Hiện tại Công chứng viên là ông Bùi Văn Đ đã nghỉ hưu theo chế độ từ tháng 4 năm 2016. Đại diện phòng Công chứng số 1 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà Lưu Thị T theo qui định của pháp luật, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Ngày 06-4-2021 Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp của hộ gia đình bà Lưu Thị T và hộ gia đình ông Phạm Văn L cho Ngân hàng ĐC.

Đối với nhàđất tại thửa số 147, tờ bản đồ số 13 của hộ gia đình bà Lưu Thị T tại xã Giao L (nay là thị trấn Quất L), huyện Giao T, tỉnh ND:

+ Về quyền sử dụng đất: thửa đất số 147 có diện tích 102 m², hiện trạng như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về các công trình xây dựng trên đất: gồm 01 nhà một tầng có tường quét vôi, nền gạch men diện tích xây dựng 18m² và 01 sân vườn có diện tích 50m² bên trên có lợp tôn lạnh có lan can sắt dài 6m, sân vườn có lợp mái tôn nền lát gạch men vào năm 2017.

Đối với nhàđất tại thửa số 181, tờ bản đồ số 13 của hộ gia đình bà Lưu Thị T tại xã Giao L (nay là thị trấn Quất L), huyện Giao T, tỉnh ND:

+ Về quyền sử dụng đất: Thửa đất 181 có diện tích đất ở là 30 m², hiện trạng như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về các công trình xây dựng trên đất gồm:

- 01 nhà hai tầng mái bằng xây năm 1999 nền lát gạch men, tường ốp đá và nhựa; 01 mái hiên đổ bê tông có lợp tôn.

Hiện tại toàn bộ các công trình xây dựng trên đất của hộ gia đình bà Lưu Thị T là do bà T xây dựng, hiện tại bà T đang quản lý và sử dụng, không tranh chấp với ai. Các con là anh Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Văn N không đóng góp gì.

Đối với nhà đất tại thửa số 129, tờ bản đồ số 14 của hộ gia đình ông Phạm Văn L tại tổ dân phố Cồn Tàu N, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND:

+ Về quyền sử dụng đất: Thửa đất số 129 có diện tích đất ở 100 m², hiện trạng như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về công trình xây dựng trên đất: Sau khi thế chấp ông L, bà H đã xây dựng 01 nhà ba tầng, diện tích xây dựng 100m² sàn. Hiện tại do ông Phạm Văn L, bà Trần Thị H và chị Phạm Quỳnh A, chị Phạm Thị Thu T quản lý và sử dụng, không tranh chấp với ai.

Từ nội dung trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố ND đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 109, điểm a, b khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 131, Điều 137, Điều 318, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 350, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 355, Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 364, Điều 371 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 166, 167, 179 của Luật đất đai 2013; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 20, Điều 21 Thông tư 28/2012/TT-NHNN ngày 03-10-2012 của Ngân hàng Nhà nước quy định về Bảo lãnh Ngân hàng; Điều 35, Điều 40, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố Hợp đồng cấp bảo lãnh số 055/2014/HĐBL/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN với Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T và Bảo lãnh thanh toán số 283/CKBL/PVB-CNNĐ ngày 23-5-2014 của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 27-9-2021 là 3.447.117.462 đồng trong đó dư nợ gốc là 1.862.530.683 đồng, lãi trong hạn 752.773 đồng, lãi phạt trên nợ gốc quá hạn là 1.583.834.006 đồng và tiền lãi phát sinh theo số tiền đã được bảo lãnh kể từ ngày 28-9-2021 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng.

Tuyên bố Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 047/2014/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN với hộ gia đình bà Lưu Thị T vô hiệu.

Về xử lý tài sản đảm bảo: Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN.

Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN phải trả lại cho hộ bà Lưu Thị T (do bà Lưu Thị T là chủ hộ) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 406587 do Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 17-6-2003, sổ vào sổ cấp giấy 809/QD-UB và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất X 611679, sổ vào sổ cấp giấy 543/QD-UB do Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 20-5-2003.

Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BD 602313, sổ vào sổ cấp giấy 5029/QD-UBND do Ủy ban nhân dân

huyện Giao T cấp ngày 16-12-2010 cho hộ gia đình ông Phạm Văn L (do ông Phạm Văn L là chủ hộ).

Ngân hàng ĐC và bà Lưu Thị T, ông Phạm Văn L có nghĩa vụ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện xóa đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan đến các Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 047/2014/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNND ngày 22-5-2014 và Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 048/2014/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNND ngày 22-5-2014.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

Ngày 13-10-2021 Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố ND, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bác toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố ND, thực hiện trung cầu giám định đối với biên bản làm việc ngày 12-8-2015, thu thập thêm các văn bản tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giao hàng, hoá đơn chứng từ thể hiện việc giao dịch giữa Công ty Lan T và Công ty Thăng L trên cơ sở hợp đồng nào để đưa vụ án ra xét xử khách quan, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của PvcomBank. Đề nghị làm rõ dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T trong việc chữ ký giả, lừa đảo thế chấp tài sản tại ngân hàng.

Tại bản kết luận giám định số 569/KL-KTHS ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh ND kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Lan dưới mục “Đại diện công ty Lan T” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Lan trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán trả số tiền nợ gốc, lãi, lãi phạt tính đến ngày 09-6-2022 cho Ngân hàng là 4.528.099.231 đồng trong đó dư nợ gốc là 1.862.530.683 đồng, lãi trong hạn 1.777.296.623 đồng, lãi phạt trên nợ gốc quá hạn là 888.271.925 đồng và tiền lãi phát sinh theo số tiền đã được bảo lãnh kể từ ngày 10-6-2022 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ, xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về làm rõ dấu hiệu lừa đảo của bà Lưu Thị T, vẫn giữ nguyên những yêu cầu kháng cáo khác. Người đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T Bà Nguyễn Thị L, ông Trần Quang T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L, ông T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Ông Phạm Văn L nhất trí với ý kiến của bà L và ông T, đề nghị Ngân hàng TMCP ĐCVN trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Đối với số tiền 4.528.099.231 đồng trong đó dư nợ gốc là 1.862.530.683 đồng, lãi trong hạn 1.777.296.623 đồng, lãi phạt trên nợ gốc quá hạn là 888.271.925 đồng Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN. Căn cứ vào việc ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 055/2014/HĐBL/PVB-CNNĐ giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Lan T, Bảo lãnh thanh toán số 283/CKBL/PVB-CNNĐ ngày 23-5-2014, phụ lục III của hợp đồng số 01, bản làm việc ngày 12-8-2015 giữa Ngân hàng, Công ty TNHH Lan T, Công ty Thăng L, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 048/2014/10801849/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 463; 468 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì hợp đồng hai bên ký kết được xác định là hợp đồng cấp bảo lãnh. Do Công ty TNHH Lan T đã vi phạm hợp đồng cấp bảo lãnh đã ký kết giữa 2 bên, không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, không trả nợ gốc, lãi đúng theo thỏa thuận đến hạn nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐCVN khởi kiện Công ty TNHH Lan T là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP ĐCVN, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐC Việt là phù hợp, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 047/2014/10801849/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 giữa bà Lưu Thị T, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Hữu H với Ngân hàng ĐC bị vô hiệu do anh Nam, anh Hồng không ký vào hợp đồng thế chấp, lỗi này thuộc về Ngân hàng, Văn phòng công chứng. Do bà T không đề nghị giải quyết của hậu quả hợp đồng vô hiệu nên không đề cập giải quyết. Về án phí đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP ĐCVN làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông HOU HSU K, Bà Phan Thanh H, bà Lưu Thị T, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Hữu H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, chị Phạm Quỳnh A, chị Phạm Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Vì vậy căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về “Hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng thế chấp là hoàn toàn chính xác”.

[4] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP ĐCVN đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết thực hiện trung cầu giám định đối với biên bản làm việc ngày 12-8-2015, thu thập thêm các văn bản tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giao hàng, hoá đơn chứng từ thể hiện việc giao dịch giữa Công ty Lan T và Công ty Thăng L trên cơ sở hợp đồng nào để đưa vụ án ra xét xử khách quan, đảm bảo quyền lợi ích

hợp pháp của Pvccombank. Đề nghị làm rõ dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T trong việc chữ ký giả, lừa đảo thế chấp tài sản tại ngân hàng thấy rằng: Yêu cầu giám định của Ngân hàng TMCP ĐCVN đã được Toà án chấp nhận cho đi giám định, đã có bản kết luận giám định số 569/KL-KTHS ngày 06-5-2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh ND kết luận chữ viết chữ ký của Bà Nguyễn Thị Lở mục “Đại diện công ty Lan T” trong biên bản làm việc ngày 12-8-2015 so sách với mẫu chữ viết, chữ ký của bà L là do cùng một người viết ra. Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị Toà án thu thập thêm các văn bản tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giao hàng, hoá đơn chứng từ thể hiện việc giao dịch giữa Công ty Lan T và Công ty Thăng L, theo quy định của Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ cung cấp, giao nộp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thuộc về các bên đương sự nên yêu cầu kháng cáo này không được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo làm rõ dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T trong việc chữ ký giả, lừa đảo thế chấp tài sản tại ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng ĐC xin rút yêu cầu kháng cáo này. Xét thấy việc rút kháng cáo củangười đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng ĐC là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần này là phù hợp.

[6] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP ĐCVN đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bác toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố ND thấy rằng: Về hình thức và nội dung Hợp đồng phân phối số 01 ngày 02-01-2014 giữa Công ty Thăng L và Cơ sở Trần Quang T. Về hình thức: Hợp đồng phân phối số 01 ngày 02-01-2014 đã được lập thành văn bản và do người đại diện theo pháp luật của Cơ sở Trần Quang T là ông Trần Quang T và người đại diện theo pháp luật của Công ty Thăng L là ông HOU HSU K, chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện ký kết. Về nội dung của hợp đồng phân phối có các điều khoản như: Hình thức nhà phân phối, giá bán hàng, đặt hàng, giao nhận hàng và trả hàng, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, thời hạn của hợp đồng đã đảm bảo đúng quy định tại các Điều 389, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật Dân sự năm 2005 vì vậy Cơ sở Trần Quang T và Công ty Thăng L phải có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản trong hợp đồng trên.

[7] Về việc thành lập Công ty Lan T: Đề phát triển kinh doanh vào ngày 10-4-2014 Bà Nguyễn Thị L, ông Trần Quang T đã thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hai thành viên trở lên của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh ND, Mã số doanh nghiệp 0601033847. Công ty Lan T có hai thành viên là Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Quang T. Người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị L. Tại thời điểm thành lập Công ty Lan T thì ông Trần Quang T đang là chủ doanh nghiệp tư nhân Trần Quang T, ông T, bà L là hai thành viên góp vốn duy nhất của Công ty Lan T, bà L và ông T lại có mối quan hệ trong gia đình là vợ chồng với nhau. Công ty Lan T đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Mặc dù trên cơ sở pháp lý cơ sở Quang T và Công ty Lan T là hai chủ thể kinh doanh độc lập nhưng vẫn do ông T, bà L làm chủ ngoài ra không có thành viên nào khác. Tại

bút lục số 143,176 thể hiện tiền thân của Công ty Lan T là cơ sở Trần Quang T, cũng tại bút lục 853 bà L và ông T đã khẳng định tiền thân của Công ty Lan T là cơ sở Trần Quang T.

[8] Sau khi Công ty Lan T được thành lập, Bà Nguyễn Thị L đã thay mặt Công ty Lan T ký phụ lục III ngày 02-5-2014: Theo tài liệu trong hồ sơ do Ngân hàng ĐC đã giao nộp thể hiện vào ngày 02-5-2014 Công ty Thăng L và Công ty Lan T đã ký Phụ lục III Hợp đồng thức ăn thủy sản về việc đồng ý thỏa thuận và thay đổi thông tin khách hàng từ Cơ sở Trần Quang T thành Công ty Lan T. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên tham gia ký kết Phụ lục III của Hợp đồng phân phối số 01 là Công ty Thăng L và Công ty Lan T. Nội dung của Phụ lục III của Hợp đồng phân phối số 01 ngày 02-01-2014 về việc thay đổi thông tin khách hàng từ Cơ sở Trần Quang T thành Công ty Lan T. Tại bút lục 177, 180 biên bản họp hội đồng thành viên, bản thân ông T đã ủy quyền cho bà L được ký kết các văn bản nên người đại diện theo pháp luật của Công ty là Bà Nguyễn Thị L thay mặt Công ty Lan T ký Phụ lục III với đại diện Công ty Thăng L là hoàn toàn phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Tuy cơ sở Trần Quang T và Công ty Lan T là hai chủ thể kinh doanh độc lập, hoạt động song song, Tuy ông T không ký vào Phụ lục III nhưng ông T biết và hoàn toàn đồng ý với việc bà L đã ký vào Phụ lục III, vì lý do cơ sở Trần Quang T do ông T làm chủ cơ sở, còn Công ty Lan T là đồng sở hữu của bà L và ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L trình bày mọi hoạt động buôn bán kinh doanh của Công ty Lan T vợ chồng bà đều có sự trao đổi bàn bạc thống nhất với nhau thường xuyên. Do đó Phụ lục III có hiệu lực thi hành, vì bản chất cơ sở Trần Quang T và Công ty Lan T đều do ông T và bà L quản lý kinh doanh. Vì vậy mọi hoạt động của Công ty Lan T, ông T và bà L đều phải biết. Công ty Lan T và Công ty Thăng L phải có nghĩa vụ thực hiện theo Phụ lục III mà hai bên đã ký kết, Phụ lục III là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng phân phối số 01 ngày 02-01-2014 giữa Công ty Thăng L và Cơ sở Trần Quang T. Theo phiếu kết quả cung cấp thông tin doanh nghiệp của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh ND ngày 28-01-2021 và ngày 13-9-2021 thể hiện Phòng đăng ký kinh doanh chưa nhận được thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty Lan T và chưa nhận được hồ sơ đăng ký tạm ngừng, giải thể hoặc phá sản theo qui định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của Công ty Lan T là Bà Nguyễn Thị L trình bày không ký Phụ lục III ngày 02-5-2014 và cũng không có bản chính Phụ lục III để cung cấp cho Tòa án mà Phụ lục III là do Công ty Thăng L tự lập ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu Công ty Thăng L cung cấp bản chính Phụ lục III của Hợp đồng để làm căn cứ giám định nhưng đã hết thời hạn thông báo nhưng Công ty Thăng L vẫn không giao nộp tài liệu này.

[9] Về việc ký hợp đồng bảo lãnh: Như đã phân tích ở trên thì Công ty Lan T đã được kế thừa quyền và nghĩa vụ của Cơ sở Trần Quang T nên tại Biên bản họp hội đồng thành viên của Công ty Lan T ngày 29-4-2014 các thành viên trong Hội đồng thành viên gồm ông Trần Quang T và Bà Nguyễn Thị L thảo luận thống nhất đồng ý về việc Công ty Lan T phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng ĐC với số tiền bảo lãnh là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), mục đích: Bảo lãnh thanh toán theo Hợp đồng phân phối số 01 ngày 02-01-2014 ký với Công ty Thăng L, ủy quyền

cho Bà Nguyễn Thị L đại diện cho Công ty ký các văn bản, hợp đồng liên quan đến phát hành bảo lãnh. Vì vậy, ngày 22-5-2014 Ngân hàng ĐC lại ký Hợp đồng cấp bảo lãnh 055 với Công ty Lan T và đối tượng bảo lãnh lại là nghĩa vụ thanh toán của Công ty Lan T với Công ty Thăng L và theo Hợp đồng phân phối số 01. Căn cứ vào phụ lục III được ký ngày 02-5-2014 giữa Công ty Lan T với Công ty Thăng L, Ngân hàng ĐC đã biết được có việc kế thừa của Công ty Lan T với Cơ sở Trần Quang T nên mới ký Hợp đồng cấp bảo lãnh 055 với Công ty Lan T. Cùng ngày 02-5-2014 Công ty Lan T còn có ký Hợp đồng phân phối số 08 với Công ty Thăng L, đối tượng bảo lãnh vẫn là nghĩa vụ thanh toán của Công ty Lan T theo Hợp đồng phân phối số 01. Hợp đồng phân phối số 08 chỉ khác tên chủ thể còn nội dung, điều khoản giống y như Hợp đồng phân phối số 01. Như vậy, các bên tham gia ký Hợp đồng bảo lãnh 055 là Ngân hàng ĐC và Công ty Lan T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật cho nên Hợp đồng cấp bảo lãnh 055 có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với Công ty Lan T và Ngân hàng ĐC.

[10] Về việc phát hành thư bảo lãnh: Căn cứ vào nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cấp bảo lãnh, bên bảo lãnh là Ngân hàng ĐC đã phát hành cam kết bảo lãnh thể hiện tại Bảo lãnh thanh toán số 283 ngày 23-5-2014. Về hình thức: Căn cứ Quyết định số 7801/QĐ-PVB ngày 11-7-2014 của Ngân hàng ĐC thì Bảo lãnh thanh toán số 283 được lập đúng với biểu mẫu qui định của Ngân hàng ĐC, được ký bởi người đại diện theo pháp luật, người quản lý rủi ro hoạt động bảo lãnh, người thẩm định khoản bảo lãnh của Ngân hàng ĐC. Về nội dung của Bảo lãnh thanh toán số 283 của Ngân hàng ĐC có đầy đủ các điều khoản như: Mục đích và phạm vi bảo lãnh, Thời hạn bảo lãnh, Số tiền bảo lãnh, Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phù hợp với những cam kết tại Hợp đồng cấp bảo lãnh 055.

[11] Về các điều kiện của việc thực hiện bảo lãnh của Ngân hàng ĐC. Hợp đồng phân phối số 01 giữa Công ty Thăng L và Cơ sở Trần Quang T được ký ngày 02-01-2014. Sau khi ký hợp đồng thì Công ty Thăng L đã tiến hành giao hàng cho Cơ sở Trần Quang T (thể hiện tại các Phiếu giao hàng từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2021 Công ty Thăng L đã phân phối hàng là thức ăn nuôi tôm nhãn hiệu Tiger thẻ, tăng trọng thẻ Baccarat do Công ty Thăng L sản xuất cho cơ sở Trần Quang T). Từ tháng 5 năm 2014 việc đặt hàng, giao hàng đều do Bà Nguyễn Thị L, Giám đốc Công ty Lan T thực hiện theo Hợp đồng phân phối số 01 ngày 02-01-2014, Hợp đồng phân phối số 08 và phụ lục III được ký ngày 02-5-2014. Theo điểm 6.2 của Hợp đồng phân phối số 01, số 08 thì số tiền nợ không vượt quá 45 ngày đồng nghĩa với việc Công ty Lan T được thanh toán trả chậm trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày giao hàng (với mức tối đa không quá 2.000.000.000 đồng đúng với cam kết của Ngân hàng ĐC). Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng có nhiều lô hàng mà Công ty Lan T nhận nhưng đã vượt quá 45 ngày kể từ ngày giao hàng mà không được thanh toán nhưng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kinh doanh của Công ty Lan T được diễn ra liên tục không bị gián đoạn, Công ty Thăng L vẫn tiếp tục giao hàng cho Công ty Lan T đến ngày 30-12-2014 mà chưa yêu cầu Ngân hàng ĐC thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, hàng tháng giữa Công ty Thăng L và Công ty Lan T đều lập bảng đối chiếu chốt công nợ với nhau. Mặc dù Công ty Lan T có vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty Thăng L vẫn tạo mọi điều kiện tốt nhất cho Công ty Lan T được mua hàng trả chậm.

[12]Về việc đối chiếu công nợ giữa hai Công ty: Theo lời khai của Công ty Lan T và các Bảng đối chiếu công nợ do Công ty Thăng L giao nộp thì việc đối chiếu công nợ chỉ được thực hiện từ tháng 5 năm 2014 đến tháng 11 năm 2014. Từ tháng 12 năm 2014, tháng 1 năm 2015 và tháng 2 năm 2015 Công ty Thăng L và Công ty Lan T chưa tiến hành đối chiếu công nợ cụ thể. Công ty Thăng L trình bày tại văn bản ngày 24-01-2021 thể hiện Công ty Thăng L và Công ty Lan T đã thực hiện đối chiếu công nợ và xác nhận các Bảng đối chiếu xác nhận công nợ hàng tháng và Bảng đối chiếu xác nhận công nợ sau cùng vào ngày 31-12-2014. Theo Kết luận giám định 965/KLGĐ-PC09 ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh ND đã kết luận: Chữ ký “Lan” dưới mục “Khách hàng” trên các Bảng đối chiếu và xác nhận công nợ đến ngày 31-7-2014, 31-8-2014; 30-9-2014 và 30-11-2014 là do Bà Nguyễn Thị L ký và viết. Đồng thời, kết luận giám định cũng khẳng định không đủ cơ sở kết luận chữ “Lan” dưới mục “Khách hàng” trên Bảng đối chiếu công nợ ngày 31-10-2014, ngày 31-12-2014 có phải là do Bà Nguyễn Thị L ký và viết. Tuy nhiên, hình dấu “CÔNG TY TNHH LAN T” trên toàn bộ các Bảng đối chiếu công nợ này là do con dấu của Công ty TNHH Lan T đóng ra. Do đó đã có đủ cơ sở khẳng định giữa Công ty Lan T và Công ty Thăng L đã tiến hành đối chiếu công nợ đến hết tháng 12 năm 2014. Con dấu trong các bảng đối chiếu công nợ là của Công ty Lan T, nếu không có việc đối chiếu công nợ thì làm sao lại có đóng dấu của Công ty Lan T được, trách nhiệm quản lý con dấu và đóng dấu là thuộc về Công ty Lan T, đến nay bà L, ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là con dấu của Công ty Lan T đều do nhân viên của Công ty Thăng L là anh Đậu Đức Nam tự ý đóng vào các Bảng đối chiếu công nợ. Căn cứ vào các bản sao đối chiếu công nợ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận lời trình bày của Công ty Thăng L là có cơ sở chấp nhận.

[13]Khi Công ty Thăng L yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vào ngày 27-02-2015 và xuất trình các tài liệu chứng minh sự vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty Lan T. Ngân hàng ĐC đã nhiều lần gửi công văn đến Công ty Lan T vào các ngày 02-3-2015; 13-3-2015; 07-4-2015 yêu cầu Công ty Lan T thu xếp nguồn vốn trả nợ cho Công ty Thăng L nhưng Công ty Lan T đã không xác nhận số liệu công nợ này. Ngày 10-11-2015, Công ty Thăng L tiếp tục có Thư đề nghị thanh toán số 04/TL-CVCNO đề nghị Ngân hàng ĐC thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và đến ngày 25-11-2015 có công văn gửi Ngân hàng ĐC cung cấp bổ sung toàn bộ bản sao chứng thực các hóa đơn Giá trị gia tăng đã viết cho Công ty Lan T. Mặt khác, theo qui định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư 28/2012/TT-NHNN ngày 03-10-2012 qui định về Bảo lãnh ngân hàng: *“Trong thời hạn bảo lãnh, bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi bên nhận bảo lãnh xuất trình yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và các hồ sơ, tài liệu, chứng cứ kèm theo hợp pháp, hợp lệ (nếu có) thỏa mãn đầy đủ các điều kiện đã qui định trong cam kết bảo lãnh”*. Hiệu lực của thư bảo lãnh 283 có hiệu lực từ ngày 23-5-2014 đến ngày 28-02-2015. Ngày 27-02-2015 Công ty Thăng L có văn bản yêu cầu Ngân hàng ĐC thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Xét thấy, bên được bảo lãnh là Công ty Thăng L đã yêu cầu Ngân hàng ĐC thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là còn trong thời hạn bảo lãnh. Trước các hồ sơ chứng minh nghĩa vụ thanh toán của Công ty Lan T với Công ty Thăng L do Công ty Thăng L cung cấp nên ngày 21-12-2015 Ngân hàng ĐC đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối

với Công ty Thăng L. Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với tất cả các yêu cầu đòi nợ của Công ty Thăng L từ ngày 02-5-2014 đến ngày 31-12-2014 thay cho Công ty Lan T. Đồng thời Ngân hàng ĐC cũng có Công văn số 954/PVB-CNNĐ ngày 21-12-2015 thông báo cho Công ty Lan T biết về việc Ngân hàng ĐC đã hoàn tất nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền 1.862.530.683 đồng (*Một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám ba đồng*) với Công ty Thăng L và Công ty Lan T phải nhận khoản nợ bắt buộc với Ngân hàng ĐC, lãi suất theo qui định của Ngân hàng ĐC là 14,55%/năm kể từ ngày nhận nợ bắt buộc 23-12-2015.

[14] Tại biên bản làm việc ngày 12 tháng 8 năm 2015 giữa ba bên Ngân hàng ĐC, Công ty Lan T, Công ty Thăng L, bà L đại diện cho Công ty Lan T đã thừa nhận nhận nợ với Công ty Thăng L và Ngân hàng ĐC, bà L xin trả 1.500.000.000đ, số nợ còn lại Công ty Lan T xin Công ty Thăng L xoá nợ, mặc dù bà L thừa nhận có tham gia buổi làm việc này nhưng không ký biên bản. Tại bản kết luận giám định số ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh ND đã kết luận đúng là chữ viết, chữ ký của Bà Nguyễn Thị L trong mục đại diện Công ty Lan T. Như vậy, Ngân hàng ĐC đã thực hiện đúng Hợp đồng cấp bảo lãnh 055 và Bảo lãnh thanh toán số 283 mà Ngân hàng ĐC và Công ty Lan T đã ký kết đảm bảo theo đúng quy định. Vì vậy, Ngân hàng ĐC yêu cầu bên được bảo lãnh là Công ty Lan T phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ bắt buộc tính đến ngày xét xử phúc thẩm 09-6-2022 gồm tiền gốc và lãi tổng cộng là 4.528.099.231 đồng trong đó dư nợ gốc là 1.862.530.683 đồng, lãi trong hạn 1.777.296.623 đồng, lãi phạt trên nợ gốc quá hạn là 888.271.925 đồng và tiền lãi phát sinh theo số tiền đã được bảo lãnh kể từ ngày 10-6-2022 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐC.

[15] Xét yêu cầu của Công ty Lan T cho rằng Công ty Thăng L mở đại lý với khách hàng của Công ty Lan T trong khu vực Công ty Lan T bán hàng dẫn đến Công ty Lan T bị thiệt hại hơn 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*). Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu Công ty Lan T nộp đơn đề nghị phản tố và ấn định thời hạn cho Công ty Lan T nhưng hết thời hạn thông báo của Tòa án Công ty Lan T không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Công ty Thăng L bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu này của Công ty Lan T là đúng quy định của pháp luật.

[16] Về các Hợp đồng bảo đảm: Về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 048/2014/10801849/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 giữa ông Phạm Văn L, bà Trần Thị H, chị Phạm Thị Thu T với Ngân hàng ĐC. Về hình thức của Hợp đồng: Hợp đồng thế chấp đã được lập thành văn bản, có các điều khoản cơ bản theo qui định của pháp luật, được công chứng hợp lệ và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 342, Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung của hợp đồng thế chấp thì ông L, bà H, chị T đã tự nguyện thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 129 tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ tổ dân phố Cồn Tàu N, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 602313 do UBND huyện Giao T cấp cho hộ ông Phạm Văn

L ngày 16-12-2010. Do đó, Hợp đồng thế chấp số 048/2014/10801849/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 đã phát sinh hiệu lực và có giá trị bắt buộc đối với các bên. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 047/2014/10801849/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 giữa bà Lưu Thị T, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Hữu H. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình bà Lưu Thị T gồm có bà (Lưu Thị T) và hai con là Nguyễn Hữu H và Nguyễn Văn N có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình do bà T là chủ hộ. Như vậy, quyền sử dụng đất của hai thửa đất số 147 và 181 là tài sản chung của hộ gia đình theo Điều 108 Bộ luật Dân sự 2005. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2003) và thời điểm ký hợp đồng thế chấp (năm 2014) thì anh Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Văn N đang là thành viên của hộ gia đình bà Lưu Thị T, đã đủ trên 15 tuổi. Vì vậy việc bà T thế chấp quyền sử dụng đất nhưng các chữ ký trong Hợp đồng thế chấp không phải do anh Hồng và anh Nam ký, anh Hồng và anh Nam cũng không có văn bản ủy quyền cho bà T ký hợp đồng thế chấp là vi phạm Điều 109 Bộ luật Dân sự 2005. Theo kết luận giám định số 384/KLGD-PC09 ngày 30-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh ND kết luận các chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Hữu H và anh Nguyễn Văn N đều không phải do anh Hồng và anh Nam ký và viết. Vì vậy, nội dung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 047/2014/10801849/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 giữa bà Lưu Thị T, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Hữu H với Ngân hàng ĐC vi phạm điều cấm của pháp luật nên vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[17] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật Dân sự 2015 thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, trường hợp không hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường. Vì vậy, căn cứ Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 21 Thông tư 28/2012/TT-NHNN ngày 03-10-2012 của Ngân hàng Nhà nước quy định về Bảo lãnh Ngân hàng, Hội đồng xét xử buộc Ngân hàng ĐC phải trả lại cho bà Lưu Thị T chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 406587 do Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 17-6-2003 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất X 611679 do Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 20-5-2003 là phù hợp pháp luật. Ngân hàng ĐC và bà Lưu Thị T có nghĩa vụ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện xóa đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan đến Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 047/2014/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014. Đến nay bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu nên Tòa án không cần đề cập giải quyết.

[18] Xét yêu cầu của Ngân hàng ĐC đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì yêu cầu Công ty Lan T phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ thì thấy. Đề đảm bảo cho khoản tiền cấp bảo lãnh của Công ty Lan T tại Ngân hàng

ĐC. Ông Phạm Văn L, bà Trần Thị H, chị Phạm Thị Thu T đã ký với Ngân hàng ĐC Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 048/2014/10801849/HĐBD-TC-BDS/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 được công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh ND, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giao Thủy, tỉnh ND với nội dung bên thế chấp vợ chồng ông L, bà H và chị T đã thế chấp tài sản là toàn bộ diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (nhà ở). Tài sản thế chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 602313 do Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp cho hộ ông Phạm Văn L ngày 16-12-2010. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng ĐC, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực tại phòng Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo nên có giá trị thực hiện nên phát sinh hiệu lực và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nếu bên có nghĩa vụ trả nợ Công ty Lan T không trả được nợ thì tài sản thế chấp sẽ phát mại để trả nợ.

[19] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN được pháp luật bảo vệ bị xâm hại. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đúng Điều 9 của Hợp đồng cấp bảo lãnh số 055/2014/HĐBL/PVB-CNNĐ ngày 22-5-2014 và các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng ĐC là có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó, có căn cứ để sửa lại bản án sơ thẩm đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng ĐC là phù hợp.

[20] Về chi phí giám định: Chi phí cho việc giám định chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty Lan T là 4.080.000 đồng (*bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*) nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ. Chi phí cho việc giám định chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Hữu H và Nguyễn Văn N là 2.550.000 đồng (*hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị T tự nguyện nộp toàn bộ. Chi phí cho việc giám định chữ ký và chữ viết của Bà Nguyễn Thị L là 3.060.000đ (*ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) Ngân hàng ĐC tự nguyện nộp toàn bộ nên Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét giải quyết.

[21] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐC được chấp nhận nên bị đơn Công ty Lan T phải chịu toàn bộ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*). Cần buộc Công ty Lan T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng ĐC số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) mà Ngân hàng ĐC đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

[22] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty Lan T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN đã nộp sẽ được hoàn trả lại.

[23]Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Ngân hàng ĐCđược chấp nhậnmột phần nên Ngân hàng ĐCkhông phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm, số tiền Ngân hàng ĐCđã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005034 ngày 21-10-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố ND sẽ được hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26;Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 40; Điều 147; Điều 148; Điều 158; Điều 161; khoản 2 Điều 296; Điều 312Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 109; điểm a, b khoản 1 Điều 122; Điều 127; Điều 128; Điều 131; Điều 137;Điều 318; Điều 342; Điều 343; Điều 344; Điều 350; Điều 351; Điều 352; Điều 353, Điều 355; Điều 361; Điều 362; Điều 363; Điều 364; Điều 371; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166; Điều 167; Điều 179 của Luật đất đai 2013; Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 20 Thông tư 28/2012/TT-NHNN ngày 03-10-2012; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN về việc làm rõ dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lưu Thị T trong việc chữ ký giả, lừa đảo thế chấp tài sản tại ngân hàng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Tphải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN số tiền tính đến hết ngày 09-6-2022tổng cộng là 4.528.099.231 đồng trong đó dư nợ gốc là 1.862.530.683 đồng, lãi trong hạn 1.777.296.623 đồng, lãi phạt trên nợ gốc quá hạn là 888.271.925 đồng.

3. Nghĩa vụ thi hành án: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan Tkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN, thì Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVNcó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 129 tờ bản đồ số 14diện tích 100 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại tổ dân phố Cồn Tàu N, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh ND đã đượcUBND huyện Giao T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 602313 ngày 16-12-2010 cho hộ ông Phạm Văn L. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

5. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 047/2014/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNND ngày 22-5-2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN với hộ gia đình bà Lưu Thị T vô hiệu.

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN phải trả lại cho hộ bà Lưu Thị T (do bà Lưu Thị T là chủ hộ) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 406587 do Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 17-6-2003, sổ vào sổ cấp giấy 809/QD-UB và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất X 611679, sổ vào sổ cấp giấy 543/QD-UB do Ủy ban nhân dân huyện Giao T cấp ngày 20-5-2003.

6. Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN và bà Lưu Thị T có nghĩa vụ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện xóa đăng ký giao dịch bảo đảm liên quan đến Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 047/2014/HĐBĐ-TC-BDS/PVB-CNND ngày 22-5-2014.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T phải nộp toàn bộ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*). Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) mà Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN đã nộp tạm ứng chi phí tổ tụng.

8. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Lan T phải nộp số tiền 117.280.000 đồng (*một trăm mười bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN số tiền 47.500.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0003454 ngày 05-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ND.

9. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN không phải nộp. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần ĐCVN số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005034 ngày 21-10-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố ND.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh ND;
- TAND thành phố ND;
- Chi cục THADS thành phố ND;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Lại Văn Tùng

